

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2017/HSPT
Ngày 15 tháng 01 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Trần Minh Tuấn
Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Công Thoại, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Hoàng Trọng H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Hoàng Trọng H** sinh năm 1988 tại huyện B, Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn 2, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3; có vợ là: Nguyễn Thị Bích Ng và 02 con (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 21/11/2013 đến ngày 10/12/2013 được áp dụng biện pháp cho bảo lãnh; vắng mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có các bị cáo: Nguyễn Văn L, Lê Thanh N, Trần Văn H1 và Hoàng Văn N1 đều bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị; các bị cáo: Dương Minh C, Lê Đình S, Nguyễn Văn P đều bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” có kháng cáo, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm ngày 12/4/2016 (Bản án số 147/2016/HS-PT ngày 12/4/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng).

- Bị hại:

1. Ông Lê Trọng H2, sinh năm 1972, trú tại: Thôn 4, PĐ, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt);

2. Bà Đinh Thị N2, sinh năm 1954, trú tại: Tiểu khu Q, thị trấn nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt);

3. Ông Trần Văn V, sinh năm 1967, trú tại: thôn C, xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình (vắng mặt);

Ngoài ra, trong vụ án này còn có 9 người bị hại khác và 2 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì Hoàng Trọng H và các đồng phạm đã thực hiện các hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 24 giờ ngày 10/12/2011, Hoàng Trọng H rủ Lê Đình S, Lê Thanh N đến nhà anh Nguyễn Văn T ở thôn 3, PĐ, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, N đứng ngoài canh gác, S dùng dao cắt dây cột cửa hông phía sau, H và S vào nhà lấy khoảng 50 kg gỗ huê loại rẻ, cành để H chở về nhà cất giấu. Ngày hôm sau, H cùng S, N đem bán số gỗ huê đã trộm cắp được cho Nguyễn Văn P lấy 38.000.000 đồng chia nhau: N được 12.000.000 đồng, H được 13.000.000 đồng và S được 13.000.000 đồng.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự: 50 kg gỗ huê loại rẻ, cành của anh Nguyễn Văn T có trị giá 105.000.000 đồng. Hoàng Trọng H đã tự nguyện bồi thường 34.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 01 giờ sáng ngày 01/01/2012, Dương Minh C, Lê Thanh N, Lê Đình S, Hoàng Trọng H và Phạm Văn H rủ nhau đi trộm cắp tài sản ở nhà anh Lê Trọng H2 ở thôn 4, PĐ, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. N, Hoàng Văn H và Phạm Văn H đứng ngoài canh gác; C và S trèo qua hàng rào vào bên trong rồi dùng xà beng mang theo cạy cửa chính phòng khách vào nhà lấy trộm 02 bình hoa gỗ hương khoảng 30 kg, 06 bình hoa gỗ huê, 01 đĩa bằng gỗ huê, 02 rễ cây huê hình ngà voi, 01 rễ cây huê có gắn xi măng làm đế, 01 bộ ấm chén bằng gỗ huê. Sau đó, cả bọn chia nhau số tài sản trộm cắp được; trong đó, Hoàng Trọng H được chia 02 bình hoa gỗ hương. Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 02 bình hoa gỗ hương của Hoàng Trọng H để trả lại cho anh Lê Trọng H2.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, số gỗ huê của anh Lê Trọng H2 bị mất có trị giá 205.000.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 24 giờ ngày 02/10/2013, Dương Minh C rủ Hoàng Trọng H và Nguyễn Văn L đến nhà bà Đinh Thị N2 ở tiểu khu Quyết Tiến, Nông trường V, huyện B, tỉnh Quảng Bình để trộm cắp tài sản. Khi đến nơi, C

bảo H lái xe ô tô đi chỗ khác đợi khi nào lấy được tài sản thì C sẽ điện thoại cho H đến. C đưa cho L kim cộng lực để cắt hàng rào lưới B40, còn C dùng xà beng cạy cửa nhà bếp rồi cùng vào nhà tìm tài sản; thấy két sắt để ở phòng ngủ, C và L khiêng két sắt ra đường Hồ Chí Minh. C gọi điện thoại cho H lái xe ô tô đến và khiêng két sắt lên xe ô tô, H lái xe chạy được khoảng 10 km thì C bảo dừng lại bên đường và khiêng két sắt xuống. C lục trong két sắt lấy 45.000.000 đồng, 300 đô la Mỹ, 01 dây chuyền vàng 5 chỉ, 01 vòng vàng đeo cổ 3 chỉ, 01 nhẫn vàng tam cấp 2 chỉ, 02 khuyên vàng đeo tai 1 chỉ, 09 nhẫn vàng loại một nhẫn 01 chỉ, thẻ nạp tiền điện thoại di động các loại. Sau đó, cả bọn chia nhau số tài sản trộm cắp được; trong đó, H được chia 10.000.000 đồng, 100 đô la Mỹ và 01 sợi dây chuyền vàng 05 chỉ. Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 sợi dây chuyền vàng 4,96 chỉ vàng 9999 của Hoàng Trọng H để trả lại cho bà Đinh Thị N2.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, số tài sản của bà N2 bị mất có tổng trị giá là 183.936.400 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 15/9/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; các điểm b, p và s khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Trọng H 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ chịu lãi suất do chậm thi hành án, xử lý vật chứng, án phí, phổ biến quyền kháng cáo và quy định về thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2015, Hoàng Trọng H kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 147/2016/HSPT ngày 12/4/2016, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng áp dụng “điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p, s khoản 1 Điều 53”; khoản 2 Điều 46; Điều 47 và Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Trọng H 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm 12/4/2016.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 23/2017/HS-GĐT ngày 05/9/2017, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định: Hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 147/2016/HSPT ngày 12/4/2016 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Trọng H; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có đơn đề nghị hoãn phiên tòa với lý do mắc bệnh hiểm nghèo đang điều trị tại bệnh viện, tuy nhiên không có tài liệu nào làm căn cứ chứng minh; hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập đầy đủ, có đủ căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo và đã làm rõ những vấn đề cần giải quyết vụ án; sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục phiên tòa để xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bị cáo Hoàng Trọng H cùng các đồng phạm trộm cắp 3 vụ với tổng trị giá tài sản lớn. Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng pháp luật, xử phạt bị cáo 3 năm tù là đã chiếu cố, khoan hồng đối với bị cáo; bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự là có thiếu sót. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Trọng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn xin hoãn phiên tòa ngày 08/01/2018 của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa; lý do xin hoãn phiên tòa là do bị cáo mắc bệnh hiểm nghèo, đang điều trị tại bệnh viện (đơn của bị cáo có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình) nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh bị cáo đang điều trị bệnh hiểm nghèo; đồng thời, sự vắng mặt của bị cáo không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo.

[2] Về nội dung:

[2.1] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 10/12/2011 đến ngày 02/10/2013, Hoàng Trọng H cùng với các đồng phạm đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản có tổng trị giá là 493.936.400 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án Hoàng Trọng H về tội “Trộm cắp tài sản” thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt,

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đặc điểm nhân thân của bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại, được người bị hại có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo; là cán bộ đoàn có nhiều thành tích được Trung ương đoàn tặng Bằng khen, nên đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự xử phạt Hoàng Trọng H 03 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự) là đã chiếu cố, khoan hồng cho bị cáo.

[2.2] Xét kháng cáo của bị cáo xin hưởng án treo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong vụ án này, Hoàng Trọng H thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Bị cáo cùng các đồng phạm trộm cắp tài sản có giá trị lớn (493.936.400 đồng), sát mức tối đa theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; là người chủ mưu, rủ rê, lôi kéo các bị cáo Lê Đình S, Lê Thanh N tham gia vụ trộm cắp tài sản ở nhà anh Nguyễn Văn T; bị cáo H phạm tội nhiều lần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự là thiếu sót, tuy nhiên do Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết này nhằm không làm xấu đi tình trạng của bị cáo. Từ các phân tích nêu trên, căn cứ vào Nghị quyết 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự về án treo và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, buộc bị cáo phải cải tạo tại trại giam để cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời, giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo có kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hoàng Trọng H và giữ

nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2015/HSST ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hoàng Trọng H.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; các điểm b, p, s khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999: **Xử phạt Hoàng Trọng H 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước từ ngày 21 tháng 11 năm 2013 đến ngày 10 tháng 12 năm 2013.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Trọng H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Công an tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các bị hại;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Điền